

Bản án số: **62/2025/DS-ST**
Ngày: 27-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Thống
2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82//2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-DS ngày 23/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2025/QĐST-DS ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ trụ sở: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Thảo N**, sinh năm 1988, trú tại: số D, T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 38503/2025/UQN-PUN-RCC ngày 19/3/2025) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 07/11/2024 ông Huỳnh Ngọc T có vay tiền của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh K theo hợp đồng số LN2410194071538, vay số tiền 954.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 07/11/2024 đến ngày 15/12/2032, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8.1%/năm cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả 50% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thỏa thuận phương thức trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2024. Nợ gốc mỗi tháng trả 9.938.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 07/11/2024 ông Huỳnh Ngọc T có ký hợp đồng thấu chi số 170-P-3451988, tổng mức thấu chi là 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/3/2025 ông T còn nợ Ngân hàng gốc 9.163.290 đồng, lãi trong hạn 1.122.277 đồng. Tổng cộng 10.285.567 đồng.

Để đảm bảo hai khoản nợ trên, ông T có thể chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

Quá trình thực hiện ông T đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, nay đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày ngày 19/3/2025 tổng cộng 974.329.608 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 21.104.318 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc 944.062.000 đồng, lãi 19.982.041; hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi trong hạn 1.122.277 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi trả hết nợ vay. Đồng thời, xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay đối với hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024 và hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024 là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông

Huỳnh Ngọc T đứng tên.

*** *Tại phiên tòa:***

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Thời hạn vay của hợp đồng số LN2410194071538 kèm phụ lục hợp đồng ký ngày 07/11/2024 là 96 tháng, kể từ ngày 08/11/2024 đến ngày 08/11/2032. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100%. Sau khi vay ông T đã trả được tổng cộng 17.982.964 đồng, trong đó: gốc 9.938.000 đồng, lãi 8.044.964 đồng; đối với hợp đồng thấu chi số 170-P-3451988 ngày 08/11/2024 thì thời hạn là 60 tháng, từ ngày 07/12/2017 đến ngày 01/12/2022. Mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất theo quy định của V1 trong từng thời kỳ. Đối với khoản vay này ông T chưa trả gốc lãi đồng nào.

Nay yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 27/6/2025 tổng cộng 1.008.056.710 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 54.831.419 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc 944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng; hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi trả hết nợ vay. Đồng thời, xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay đối với hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024 và hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024 là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

- Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày ngày 27/6/2025 tổng cộng 1.008.056.710 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 54.831.419 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc 944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng; hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi trả hết nợ vay. Đồng thời, xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay đối với hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024 và hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024 là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Huỳnh Ngọc T, nhưng bị đơn ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải đối với vụ án. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự trong vụ án, nhưng bị đơn ông T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp hợp đồng tín dụng*. Do bị đơn cư trú tại huyện V nên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP V và ông Huỳnh Ngọc T đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi với nhau. Cụ thể theo hợp đồng số LN2410194071538 ngày 07/11/2024, ông T vay số tiền 954.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày 08/11/2024 đến ngày 08/11/2032, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8.1%/năm cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả 50% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thỏa thuận phương thức trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2024. Nợ gốc mỗi tháng trả 9.938.000 đồng. Tính đến ngày 27/6/2025 ông T còn nợ Ngân hàng gốc 944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng. Tổng cộng 996.315.832 đồng. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100%.

Ngày 08/11/2024 ông Huỳnh Ngọc T có ký hợp đồng thầu chi số 170-P-3451988, tổng mức thầu chi là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 27/6/2025 ông T còn nợ Ngân hàng gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng. Tổng cộng 11.740.878 đồng. Mục đích vay tiêu dùng.

Để đảm bảo hai khoản nợ trên, ông T có thể chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

Hiện ông T còn nợ tổng số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 27/6/2025 là 1.008.056.710 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 54.831.419 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc 944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng; hợp đồng thầu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng).

Vì vậy, nay ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn thiếu là 1.008.056.710 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 54.831.419 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc

944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng; hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng), vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với tài sản thế chấp: Xác định tài sản để đảm bảo việc thi hành án cho hợp đồng vay số LN2410194071538 và hợp đồng thấu chi số 170-P-3451988 cùng ngày 07/11/2024 là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 42.241.701 đồng $[36.000.000đ + (208.056.710đ \times 3\%)]$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 99, 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

1. Buộc ông Huỳnh Ngọc T trả tổng số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 27/6/2025 là 1.008.056.710 đồng, trong đó: gốc 953.225.290 đồng, lãi 54.831.419 đồng (hợp đồng vay số: LN2410194071538 ngày 07/11/2024: gốc

944.062.000 đồng, lãi 52.253.832 đồng; hợp đồng thấu chi số: 170-P-3451988 ngày 07/11/2024: gốc 9.163.290 đồng, lãi 2.577.588 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/6/2025, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Trường hợp án có hiệu lực pháp luật, ông T trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi đối với hợp đồng vay số LN2410194071538 và hợp đồng thấu chi số 170-P-3451988 cùng ngày 07/11/2024 thì Ngân hàng TMCP V phải giải chấp, trả cho ông T bản gốc giấy chứng nhận xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

3. Xác định tài sản để đảm bảo việc thi hành án cho hợp đồng vay số LN2410194071538 và hợp đồng thấu chi số 170-P-3451988 cùng ngày 07/11/2024 là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 68A-314.25, có số khung RL4AB3GS4R2893557, số máy 2GD5686646 do ông Huỳnh Ngọc T đứng tên.

4. Về án phí:

- Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 42.241.701 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V 20.615.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002644 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh